28

UỶ BAN NHÂN DÂN Tỉnh Thái nguyên ***	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc ----------B.15
Số: 4575/2000/QĐ-UB	*Thái Nguyên, ngày 27 tháng 12 năm 2000*

QUYẾT ĐỊNH CỦA UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH
V/v Điều chỉnh kế hoạch đầu tư và xây dựng tỉnh Thái Nguyên năm 2000.

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Căn cứ luật tổ chức HĐND & UBND.

- Căn cứ thông báo số 3717/ TC-NSNN ngày 24 / 8 / 2000, số 3995/ TC-TCDN ngày 11 / 9 / 2000 của Bộ Tài chính

- Căn cứ chỉ tiêu kế hoạch năm 2000 tỉnh Thái Nguyên đã giao tại các quyết định số 596 /2000/QĐ-UB ngày 13 tháng 3 năm 2000 , số 1168/ 2000/ QĐ-UB ngày 09 / 5 / 2000 , số 2279/ 2000/ QĐ-UB ngày 07 / 8 / 2000của và số 4199/ 2000/ QĐ-UB ngày 12 / 12 / 2000 UBND tỉnh Thái Nguyên.

- Theo đề nghị của Sở Kế hoạch và đầu tư tại công văn số 795 /TH-KH ngày 06 tháng 12 năm 2000.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: - Nay Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư và xây dựng năm 2000 tỉnh Thái Nguyên choUỷ ban nhân dân các Huyện, Thành phố, Thị xã, các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị Chủ đầu tư thuộc tỉnh Thái Nguyên, theo các biểu chi tiết kèm theo quyết định này.

Điều 2: Giám đốc các Sở, Ban, Ngành, Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố Thái Nguyên, Thị xã Sông Công, Thủ trưởng các đơn vị chủ đầu tư thực hiện theo kế hoạch được giao

Điều 3 : - Các ông , bà : Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND các Huyện, Thành phố Thái Nguyên, Thị xã Sông Công. Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành và các đơn vị Chủ Đầu tư có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận

- TT Tỉnh uỷ (B/c)
- TT. HHĐND tỉnh (B/c)
- Các đ/c CT, PCT
- Như điều3
- Các bộ phận nghiên cứu
- Lưu VP-XDCB

B.182

T/M UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
CHỦ TỊCH

Lương Đức Tính

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG NĂM 2000
TỈNH THÁI NGUYÊN

(Theo quyết định số: 1707 /2000/QĐ-UB ngày 27 /12/2000 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng.

CÁC CÔNG TRÌNH	Kế hoạch đã giao năm 2000			Kế hoạch điều chỉnh năm 2000
	Tổng số	Trong đó		
		Xây lắp	Thiết bị	
1	2	3	4	5
I. Vốn ngân sách tập trung				
1/ QHKT-XH tỉnh Thái Nguyên đến năm 2010	100			
2/ QHKT-XH TPTN đến 2010	45			
3/ QH nước sạch VSMT tỉnh TN đến 2010	25			
4/ QHKT-XH đến năm 2010 của các huyện Đại từ, Định hoá, Phú lương, TX S.công: Giao cho ngành Tài chính quản lý thanh toán theo chế độ quy định.				
5/ QHXD hạ tầng 11 xã khó khăn Võ Nhai	60			
6/ QHXD hạ tầng 5 xã khó khăn Định hoá	50			
7/ QHXD hạ tầng 2 xã khó khăn Đồng hỷ	20			
8/ QH chi tiết khu công nghiệp Sông công				250
9/ Đường 254, Km29 - Km35	440			450
10/ Trạm bơm điện Linh Nham Đồng hỷ	620	570		600
- Cả vốn bổ sung tại QĐ: 2279/QĐ-UB.				
11/ Kênh N17-30	550	520		476
- Cả vốn bổ sung tại QĐ: 2279/QĐ-UB.				
12/ Góp vốn hiện tại Hồ núi cốc	400			360
- Chuyển chủ đầu tư từ Sở NN và PTNT tỉnh sang Cty QLKT các công trình thuỷ lợi.				
13/ Tu bổ đê địa phương				144
14/ Bệnh viện tâm thần	500			370
15/ Bệnh viện A Thái Nguyên	450			380
16/ Bệnh viện điều dưỡng	25			34
17/ Khu điều trị phong Phú bình	1.200			1.391
18/ Bệnh viện C:	2.100			2.100
- Bổ sung: Xây dựng sân đường bồn hoa, phòng cháy nhà nội và hồi sức cấp cứu.				
19/ Trạm bảo vệ thực vật, thú y Phổ yên	100	85		150

1	2	3	4	5
- Có cả chi phí chuẩn bị đầu tư				
20/ Lưới điện xã Bình sơn Sông công	850			650
21/ Hệ thống điện xã Yên lạc Phú lương	1.150			950
22/ Lưới điện chiếu sáng T.T Úc sơn Phú bình				630
23/ Hệ thống điện Khu ATK Định hoá	300			150
24/ Lưới điện xã Tân thành Phú bình				150
25/ Trường PTTH Dương Tự Minh	550	450		550
26/ Chợ Trung tâm cụm xã Lam Vĩ	500			750
27/ Chợ Trung tâm cụm xã Quy kỳ	500			550
28/ Chợ Trung tâm cụm xã Tràng xá	500			200
*** Chuẩn bị đầu tư:**				
1/ DA Trụ sở Sở LĐTB và XH	30			0
2/ DA Trụ sở Sở Văn hoá Thông tin	30			0
3/ DA thoát nước thị trấn Chợ chu Định hoá	10			26
4/ DA thoát nước và xử lý nước thải TPTN	280			280
- Có cả chi phí lập hồ sơ mời thầu gói số 1				
5/ DA nhà quản lý và lưới điện đảo Long hội	15			15
- Cả chi phí lập TKKT và dự toán.				
* Chuẩn bị xây dựng				
1/ Hệ thống điện HTX Tân Hương TPTN	55			55
- Có cả chi phí lập dự án				
2/ Nhà điều dưỡng người có công	50			0
II/ Vốn NQ Quốc hội để lại				
1/ Cấp nước vùng cao	500	450		300
2/ Nhà ăn, hàng rào văn phòng Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn				200
3/ Trạm BVTV và thú y TX Sông Công	100	90		100
- Cả chuẩn bị đầu tư				
4/ Đầu tư cơ khí trại lúa An Khánh	9		0,3	9
- Có cả chi phí chuẩm bị đầu tư				
5/ Hồ đầm chiễu Đại Từ				5
6/ Hồ Đồng Tiến Đại Từ				10
7/ Cấp nước sinh hoạt trại giam Công an tỉnh				38
8/ Tu bổ đê địa phương	700			756

1	2	3	4	5
9/ Trạm bơm Gốc sảng Đồng hỷ	250	230		250
10/ Hội trường T.T Giáo dục trẻ em thiệt thòi	237	237		237
*** Chuẩn bị đầu tư**				
1/ Đánh giá khôi phục hồ nước Định Hoá	30			0
2/ Dự án sửa chữa hồ Bình Sơn TX Sông Công	40			0
3/ DA Thuỷ lợi xã Minh Lập, Đồng Hỷ	10			0
4/ DA kiên cố kênh N4 Núi Cốc	20			4
5/ DA nâng cấp CTTL Phú Đình Hoá				25
III/ Vốn sự nghiệp				
1/Xây cống đường 254	50			42
2/ Vận hành và sửa chữa phà bến Đầm	60			46
3/ Sửa chữa đường vào tỉnh Uỷ				22
IV/ Vốn vay Bộ Tài chính				
1/ Bệnh viện phụ sản	23.000	23.000		23.000

KẾ HOẠCH BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ ĐỢT 2 NĂM 2000

Nguồn vốn: Ngân sách tập trung

(Theo quyết định số: 4585 /2000/QĐ-UB ngày 27/12/2000 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Các công trình	Bổ sung 2000	Ghi chú
	Tổng số	**11.000**	
1	Kiên cố kênh tay cấp I	3.000	
2	Cấp nước thành phố Thái Nguyên	2.000	
3	Trạm bơm Đồng liên Phú Bình	350	
4	Hồ hố cùng Phú Bình	350	
5	Hồ Cây Si Thành phố Thái Nguyên	350	
6	Đối ứng dự án Hồ Gò Miếu Đại Từ	550	
7	Đường Hoà Bình- Văn Lăng Đồng Hỷ	500	
8	Trụ sở huyện Uỷ Đồng Hỷ	500	
9	Trụ sở UBND Thị xã Sông Công	500	
10	Hội trường UBND tỉnh	400	
11	Trường Chính trị tỉnh	600	
12	Trường Trung học Kinh tế	300	
13	Trường PTTH Đại Từ	300	
14	Đài tưởng niệm liệt sỹ tỉnh Thái Nguyên	500	
15	Trụ sở huyện Uỷ Võ Nhai	300	
16	Trường PTTH Thị xã Sông Công	500	

KẾ HOẠCH BỔ SUNG VỐN ĐẦU TƯ NĂM 2000

Nguồn vốn: Ngân sách địa phương

(Theo quyết định số: 4505/2000/QĐ-UB ngày 27/12/2000 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Các dự án	Bổ sung 2000	Ghi chú
	Tổng số	**7.119**	
1	Nhà chuyên gia Phần Lan	300	Ngân sách đã ứng
2	Thiết bị kiểm định công trình XDCB	232	Ngân sách đã ứng
3	Đường Cách Mạng Tháng 10 Sông Công	1.000	Ngân sách đã ứng
4	Trụ sở xã Vĩnh Sơn Thị xã Sông Công	178	
5	Trụ sở UBND Phường Phố Cò Sông Công	190	
6	Trụ sở UBND Phường Cải Đan Sông Công	176	
7	Trung tâm Chính trị Định Hoá	150	
8	Đường vào Trường PTTH Võ Nhai	340	
9	Sửa chữa, cải tạo nhà văn hoá Võ Nhai	200	
10	Trường PTTH Định Hoá	500	
11	Trường quân sự tỉnh	250	
12	Sửa chữa nhà làm việc 3 tầng UBND tỉnh	5	
13	Sửa chữa nhà làm việc Uỷ ban BVCS trẻ em	5	
14	Sửa chữa rạp chiếu bóng	200	
15	Trụ sở Sở Xây dựng	1.093	Vốn bán nhà 592,4 triệu
16	Trụ sở huyện uỷ Đại Từ	1.000	
17	Trạm Đăng kiểm phương tiện CGĐB	500	
18	Sửa chữa nhà đoàn kịch Thái Nguyên	150	
19	Trung tâm Chính trị Võ Nhai	150	
20	Đường Phan Đình Phùng-TP Thái Nguyên	500	

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ XDCB NĂM 2000

Nguồn vốn cấp quyền sử dụng đất

(Kèm theo quyết định số: 4505 /2000/QĐ-UB ngày 7 tháng 12 năm 2000 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục công trình	KH đầu năm	KH điều chỉnh
1	2	3	4
I	**THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN:**		
A	**Trả nợ khối lượng năm 1999:**		
1	XD nhà trẻ bệnh viện Đa khoa Thái Nguyên	138	123
2	Sân, hàng rào, vệ sinh xã Phúc hoà.	40	32
3	Nhà vệ sinh Nhà văn hoá thành phố.	21	17
4	DA qui hoạch thuỷ lợi Thành phố.	-	18
B	**Công trình chuyển tiếp 1999:**		
1	Xây dựng bể bơi nhà thiếu nhi Thái Nguyên	1.500	1.820
2	San gạt, đền bù nghĩa trang khu Nam	70	-
3	Xây dựng, đền bù vườn hoa Sông Cầu	525	342
4	Xây dựng đường khu dân cư nam ĐHSP	500	610
5	Dự án thiết kế khu Nhà văn hoá thiếu nhi	10	9
6	Dự án xây dựng Trung tâm y tế	10	-
7	Dự án XD quy hoạch Trung tâm giáo dục	10	-
C	**Công trình xây dựng mới:**		
1	Trụ sở UBND xã Phúc trìu.	400	460
2	Trụ sở UBND xã Thịnh đán	250	205
3	Trụ sở UBND phường Tân thịnh	250	252
4	Trụ sở UBND xã Thịnh đức	250	215
5	Lát vỉa hè nội thị thành phố	100	140
6	Dự án thiết kế, đền bù Đài truyền thanh TP	200	-
7	Dự án qui hoạch khu công nghiệp tập trung	27	-
8	Đền bù và xây dựng hạ tầng:	1.500	1.261
-	Đền bù đất qui hoạch khu dân cư	800	794
-	Xây dựng hạ tầng khu dân cư	700	467
9	Vốn còn lại bố trí như sau:	1.300	806
-	Trả tiền đất cho dân	500	100
-	Nạo vét cống rãnh	800	
-	Đền bù và trả tiền xây dựng hạ tầng	-	506
10	Nhà làm việc Công ty Quản lý đô thị	40	240

1	2	3	4
D	**Quy hoạch sử dụng đất:**		
1	Qui hoạch sử dụng đất	123	-
2	Qui hoạch chi tiết đường Đán	164	-
3	Qui hoạch chi tiết Quán triều	60	-
4	Qui hoạch đất dân cư	200	154
5	Dự án hạ tầng khu dân cư Minh Cầu	-	15
6	Đự án nhà làm việc UBND thành phố	-	35
7	Thoát nước khu dân cư Đồng Quang	-	75
8	Thoát nước khu dân cư Minh Cầu	-	46
9	Thiết kế khu văn hoá Trưng Vương	-	27
10	Cải tạo Nhà văn hoá thành phố	-	160
11	Trả tiền đền bù trụ sở UBND thành phố	-	827,5
II	**HUYỆN ĐẠI TỪ:**	**290**	**290**
1	Xây dựng trụ sở UBND xã Ký phú	100	-
2	Xây dựng trụ sở UBND xã Tân thái	100	-
3	Xây dựng trụ sở UBND xã Hoàng nông	90	-
4	Cải tạo, S/c hội trường UBND huyện Đại từ	-	290
III	**THỊ XÃ SÔNG CÔNG:**		
1	Đền bù giải phóng mặt bằng	70	-
2	Trả nợ Trạm biến áp Mỏ chè	27	-
3	Trả nợ Trạm biến áp Cải đan	10	-
4	Hoàn thiện bó vỉa rãnh thoát nước đường CMT8	39	-
5	Điện chiếu sáng nội thị TX Sông công		
6	Trả nợ khối lượng Khu văn hoá thể thao		80
			66

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH 135

(Nguồn vốn năm 1999 chuyển sang 2000)

Của huyện Võ nhai.

(Kèm theo quyết định số: 4505 /2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục công trình	KH đầu năm	KH điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG SỐ:		**2.372,0**	Số vốn này đã thanh toán cho công trình từ 01/4/2000 đến hết 30/6/2000
1	Cầu treo Thành tiến - Tràng xá.	-	184,0	
2	Đường Làng đèn - Khuôn ruộng- T.xá	-	69,5	
3	Cầu treo Phương bá - Dân tiến	-	220,0	
4	Cầu treo xóm Phố - Bình long	-	429,1	
5	Đường Phương giao - Xuất tác	-	138,0	
6	Cầu treo Đồng danh - Liên minh	-	288,0	
7	Kênh mương Nà gieng - Cúc đường	-	15,2	
8	Đập Nà phùng - Cúc đường	-	288,6	
9	Trạm bơm Na đồng - Vũ chấn	-	34,5	
10	Trạm bơm Na mấy - Vũ chấn	-	109,0	
11	Trạm bơm Na rang - Vũ chấn	-	110,0	
12	Trường PTCS xã Nghinh tường	-	106,1	
13	Cầu treo Trung sơn - Thần sa	-	40,0	
14	Đường Thượng nung - Sảng mộc	-	190,0	
15	Đường Sảng mộc - Thượng nung	-	150,0	

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN CHƯƠNG TRÌNH 135

Năm 2000

(Kèm theo quyết định số: 4505/2000/QĐ-UB ngày 13 tháng 12 năm 2000 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục công trình	KH đầu năm	KH điều chỉnh	Ghi chú
	TỔNG SỐ:	**7.200**	**7.200**	
I	**Huyện Đồng hỷ:**	**800**	**800**	
1	Đường Tân lập - Văn khánh xã Văn lăng	400	200	
2	Đường Tân long - QL 1B	400	600	
II	**Huyện Đinh hoá:**	**2.000**	**2.000**	
1	Cầu cứng Nà lạc - xã Quy kỳ	500	320	
2	Đường tràn Đồng luống xã Linh thông	300	300	
3	Đường nông thôn xã Tân thịnh	400	450	
4	Đường điện xã Lam vỹ	400	630	
5	Trường PTCS xã Bảo linh	400	300	
III	**Huyện Võ nhai:**	**4.400**	**4.400**	
1	Đường La mọ -Đông bo Tràng xá	400	460	
2	Trường TH Dân tiến 2 - xã Dân tiến	300	217	
3	Cầu Thịnh khánh - xã Dân tiến	100	135	
4	Trường THCS - xã Bình long	400	450	
5	Đường Phương giao - Xuất tác	400	421	
6	Trường THCS xã Liên minh	400	420	
7	Đường Cúc đường - Nước hai	200	300	
8	Phân trường TH Lam bình - Cúc đường	250	216	
9	Trường THCS xã Vũ chấn	400	268	
10	Đường nội bộ xã Nghinh tường			
	- Đoạn trường học - Trạm y tế	250	195	
	- Đoạn Trạm y tế - Thâm thạo	-	100	
11	Nhà hiệu bộ trường THCS Nghinh tường	150	-	
12	Trạm bơm Kim sơn 1 và 2 xã Thần sa	100	76	
13	Đập Nà khù - xã Thần sa	200	163	
14	Trả nợ cầu treo Trung sơn - Thần sa	50	5	
15	Đường T.nung - S.mộc xã Thượng nung	400	532	
16	Đường S.mộc - T.nung xã Sảng mộc	400	430	
17	Trả nợ cầu treo Phương bá - Dân tiến	-	5,3	
18	Trả nợ cầu treo Đồng danh - Liên minh.	-	6,7	

KẾ HOẠCH ĐIỀU CHỈNH VỐN MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TRUNG TÂM CỤM XÃ

(Kèm theo quyết định số: 4505 /2000/QĐ-UB ngày 27 tháng 12 năm 2000 của Uỷ ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên).

Đơn vị tính: Triệu đồng.

STT	Danh mục công trình	KH đầu năm	KH điều chỉnh	Ghi chú
A	**Nguồn vốn năm 1999 chuyển 2000:**	-	**802,7**	
1	H. Võ nhai: - T.T cụm Tràng xá	-	274,7	
	- T.T. cụm Cúc đường.	-	90,0	
2	H. Đồng hỷ: - Chợ T.T. cụm Hoà bình	-	81,6	
3	H. Định hoá: - Chợ T.T. cụm Quy kỳ	-	106,4	
4	Chuẩn bị đầu tư (Chi cục ĐCĐC)	-	250,0	
B	**Nguồn vốn đầu tư năm 2000:**	**3.000**	**3.000**	
1	Xây dựng Chợ D.vụ - T.mại T.T. cụm Bình long - Võ nhai.	1.000	400	
2	Xây dựng Chợ D.vụ - T.mại T.T. cụm Bảo linh-Định hoá	952	100	
3	Trả nợ T.T. cụm Cúc đường - Võ nhai	257	257	
4	T.T. cụm xã Quy kỳ - Định hoá			
-	Đường trục trung tâm	1.000	1.100	
-	Xây dựng chợ Dịch vụ - Thương mại	557	500	
-	Xây dựng đường điện	-	643	
5	Trung tâm cụm Tràng xá - Võ nhai	200	-	
6	Trung tâm cụm Lam vĩ - Định hoá	355	-	